

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN PHONG ĐIỀN **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Bản án số: 06/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 03/02/2021
V/v: Xin ly hôn và nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG ĐIỀN, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Mỹ Xuân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Thanh Long

2. Ông Nguyễn Hùng Phước

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Văn Ban, là cán bộ Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 03 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ, xét xử công khai vụ án thụ lý số 213/2020/TLST-HNGĐ ngày 02/10/2020 về việc “xin ly hôn và nuôi con chung”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 124/2020/QĐST-HNGĐ ngày 29/12/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2021/QĐST-HNGĐ ngày 15/01/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà **Lê Thị Th**, sinh năm: 1972

HKTT: số 428 ấp Tr Th, xã Trường Long, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ

ĐCLL: khu dân cư vượt lũ Tr L, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Bị đơn: ông **Nguyễn Văn D**, sinh năm: 1966

HKTT: số 428 ấp Tr Th, xã Trường Long, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/6/2019, đ ơn xin gia hạn thời hạn giải quyết vụ án, nội dung bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn Lê Thị Th trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa: bà Lê Thị Th và ông Nguyễn Văn D xây

dựng quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tr L, huyện Châu Thành A, tỉnh Cần Thơ (cũ) vào năm 2002. Thời gian đầu khi kết hôn ông bà chung sống hạnh phúc có 03 con chung. Tuy nhiên thời gian sau cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng ý kiến và thường xuyên cự cãi với nhau nên ông bà đã sống ly thân hơn từ năm 2016 cho đến nay. Vì không tự giải quyết được mâu thuẫn nên bà Th yêu cầu được ly hôn với ông D.

- Về con chung: có 03 con chung tên Nguyễn Hoàng V (nam), sinh ngày 26/11/1992, Nguyễn Ngọc Tr (nữ), sinh ngày 24/3/1995 và Nguyễn Hoàng Th (nam), sinh ngày 01/11/2002. Khi ly hôn bà Th yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Nguyễn Hoàng Th và bà không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có.

Ý kiến bị đơn ông Nguyễn Văn D: Trong quá trình giải quyết Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông D đến Tòa án để ông D trình bày quan điểm của ông và hòa giải đối với yêu cầu xin ly hôn của bà Th nhưng ông D không đồng ý nhận giấy triệu tập cũng như tất cả các thông báo của Tòa án và ông D đã vắng mặt không lý do nên vụ việc không tiến hành hòa giải được.

Vụ án được đưa ra xét xử. Tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn. Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu ly hôn và đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn nên Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt bị đơn Nguyễn Văn D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Lê Thị Th và ông Nguyễn Văn D tiến tới hôn nhân năm 1992 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tr L, huyện Châu Thành A, tỉnh Cần Thơ (cũ) nên Hội đồng xét xử xác định là hôn nhân hợp pháp. Nay bà Th có đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; Ông D đăng ký thường trú tại ấp Tr Th, xã Trường Long, huyện Phong Điền nên thuộc thẩm quyền giải quyết nên Tòa án nhân dân huyện Phong Điền thụ lý theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Th và ông D tự nguyện tiến tới hôn nhân, thời gian đầu ông, bà chung sống với nhau hạnh phúc, có 03 con chung. Sau đó thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, do điều kiện kinh tế nên bà Th đi làm xa và ông bà sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Sau khi nhận được hồ sơ xin ly hôn của nguyên đơn, Tòa án đã tạo điều kiện các bên hòa giải nhưng bị đơn không đến tham dự các phiên hòa giải nên Tòa án không hòa giải được. Tại phiên tòa hôm nay, bà Th đã xác định không còn tình cảm với ông D nên vẫn giữ yêu cầu ly hôn. Ông D đã được Tòa án thông báo phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do chứng tỏ ông D không còn tha thiết gì với cuộc hôn nhân này.

Xét quan hệ vợ chồng phải có nghĩa vụ chung sống, yêu thương, quan tâm nhau nhưng tình trạng hôn nhân của bà Th, ông D không thể tiếp tục duy trì đời sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được, ông bà đã sống ly thân thời gian dài nên yêu cầu ly hôn của nguyên đơn có cơ sở.

[3] Về con chung: Vì không ghi nhận ý kiến của bị đơn nên xét chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thì ông Dẫm và bà Th có 03 con chung tên Nguyễn Hoàng V (nam), sinh ngày 26/11/1992, Nguyễn Ngọc Tr (nữ), sinh ngày 24/3/1995 và Nguyễn Hoàng Th (nam), sinh ngày 01/11/2002. Khi nguyên đơn yêu cầu ly hôn thì hai con lớn đã trưởng thành, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng con chung chưa thành niên, không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa hôm nay, các người con chung đã thành niên, nguyên đơn không yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: nguyên đơn xác định không có. Do không ghi nhận được ý kiến của bị đơn về vấn đề tài sản nên Hội đồng xét xử tách ra giải quyết thành vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu.

[5] Nguyên đơn phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 51, 53, 56, 57 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; khoản Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Lê Thị Th

1. *Về quan hệ hôn nhân*: cho bà Lê Thị Th được ly hôn với ông Nguyễn Văn D (giấy chứng nhận kết hôn 569/2002, quyển số III do Ủy ban nhân dân xã Tr L, huyện Châu Thành A, Tỉnh Cần Thơ (cũ) cấp ngày 30/12/2002)

2. *Án phí hôn nhân sơ thẩm*: bà Lê Thị Th nộp 300.000 đồng, chuyển tiền tạm ứng án phí tại phiếu thu số AA/2019/017633 ngày 01/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phong Điền thành án phí.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với nguyên đơn và kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết đối với bị đơn, được quyền kháng cáo Bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thanh Long

Nguyễn Hùng Phước

Hồ Mỹ Xuân

Nơi nhận :

- Các đương sự;
- TAND Tp. Cần Thơ;
- VKSND H. Phong Điền;
- THA H. Phong Điền;
- **UBND xã Tr L ;**
- Lưu HS (2).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hồ Mỹ Xuân